| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ V**<br>**TỈNH V** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 156/2019/HS-ST
Ngày 23 - 12 - 2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH V**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Nữ Hương Huyền.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Sái Văn T và ông Bùi Thanh Bình.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Mạnh Tuấn, Cán bộ Toà án Nhân dân thành phố V

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Huyền, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 23 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án Nhân dân thành phố V, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 145/2019/TLST-HS ngày 15/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2019/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

**1. Phùng Văn Q,** sinh ngày 02/4/1960 tại V; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Phố N, phường H, thành phố V, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn T và bà Nguyễn Thị Ng; có vợ là Trần Thị B; có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/9/1995, Công an huyện T, tỉnh V xử phạt hành chính với hình thức phạt tiền về hành vi "Đánh bạc", mức phạt 500.000đ (nộp tiền phạt ngày 30/9/1995); ngày 18/4/2015 Công an thành phố V, tỉnh V xử phạt hành chính với hình thức phạt tiền về hành vi "Đánh bạc", mức phạt 1.500.000đ (nộp tiền phạt ngày 09/4/2015); bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/6/2019 đến ngày 27/6/2019 được tại ngoại (có mặt).

**2. Lê Đình C**, sinh ngày 16/5/1951 tại V; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Phố N, phường H, thành phố V, tỉnh V; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 1/7; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình C và bà Trần Thị P; có vợ là Phạm Thị K và có 05 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

**3. Phùng Phú L,** sinh ngày 20/10/1959 tại V; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Phố N, phường H, thành phố V, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Phùng Phú N và bà Bùi Thị N; có vợ là Phùng Thị Q và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 93/2007/HSST ngày 31/12/2007, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc" (số tiền dùng vào việc đánh bạc là 1.105.000đ); bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/6/2019 đến ngày 27/6/2019 được tại ngoại (có mặt).

**4. Hà Thị L,** sinh ngày 12/10/1973 tại H; đăng ký hộ khẩu thường trú: 20B, tổ 2, cụm 7, phường C, quận B, thành phố H; nơi cư trú: tổ dân phố A, phường H, thành phố V, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn N và bà Nguyễn Thị N; có chồng là Nguyễn Quốc C (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/6/2019 đến ngày 27/6/2019 được tại ngoại (có mặt).

**5. Phùng Văn T,** sinh ngày 10/11/1962 tại V; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố A, phường H, thành phố V, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn T và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Cao Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/6/2019 đến ngày 27/6/2019 được tại ngoại (có mặt).

**6. Nguyễn Văn N**, sinh ngày 10/11/1973 tại V; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố A, phường H, thành phố V, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Phùng Thị C; có vợ là Phan Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

**7. Nguyễn Văn H**, sinh ngày 26/10/1971 tại V; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Phố Lẻ 1, phường H, thành phố V, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Gia và bà Phan Thị Hồng; có vợ là Phùng Thị Dung và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan: Lê ĐÌnh T- sinh năm 1968; địa chỉ: Phố N, phường H, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 22/6/2019, Hà Thị L sau khi ăn sáng cùng với Nguyễn Văn N thì nảy sinh ý định đánh bạc được thua bằng tiền, L điện thoại cho Phùng Văn Q hỏi "ăn sáng chưa, có gì không". Q hiểu ý L hỏi về việc đánh bài sát phạt nhau bằng tiền nên nói "nếu chơi xuống ngõ nhà anh". Sau đó, Q gọi điện cho Phùng Phú L hỏi "đang ở đâu đấy", L trả lời "đang ở gần nhà". Q đi bộ sang nhà L, khi ra đến ngõ gặp L và N, cả ba người cùng đi vào nhà L uống nước. Tại đây, Q gọi điện thoại cho Lê Đình C

hỏi "anh đang ở đâu đấy để bọn em lên", mục đích để cùng đi lên nhà C đánh bạc, C nói "đang ở nhà". Lúc này, Q rủ L, N, L sang nhà C đánh bạc, mọi người đồng ý cùng đi bộ sang nhà C. Tại nhà C, Q rủ mọi người đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức chơi phỏm, L, L, Q, N, C đều đồng ý. C lấy chiếc chiếu cói trải xuống nền nhà phòng khách rồi lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn đem ra để đánh bạc. Cả nhóm thống nhất mức sát phạt về nhì phải trả 40.000 đồng, về ba phải trả 60.000 đồng, về tư phải trả 80.000 đồng (cho người về nhất), cháy 100.000 đồng, ù 150.000 đồng. L, L, Q, C cùng ngồi vào đánh bạc. N ngồi cùng vị trí L, thỉnh thoảng đánh bài thay cho L. Khi vào đánh bạc, Q có 900.000 đồng để ở túi ngực trái sử dụng đánh bạc; C có 160.000 đồng để toàn bộ ra chiếu; L có 400.000 đồng để toàn bộ ra chiếu sử dụng đánh bạc; L có 4.150.000 đồng sử dụng đánh bạc, trong đó, để ra chiếu tại vị trí ngồi 400.000 đồng, còn 3.750.000 đồng để trong 02 chiếc ví cất trong túi xách, nếu thua tiếp tục lấy tiền trong ví ra để trả cho người thắng, nếu thắng cất tiền vào trong ví. N sử dụng tiền của L đánh bạc. Tổng số tiền L, L, Q, C, N dùng để đánh bạc lúc này là 5.610.000 đồng. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn H và Lê ĐÌnh T đến nhà C chơi, ngồi xem các đối tượng đánh bạc. Do C có việc bận nên bảo H ngồi vào chơi thay nhưng H bảo không có tiền thì T nói "đưa tiền em chơi". C đứng dậy kiểm tra thấy có 240.000 đồng (do lúc đó C thắng 80.000 đồng) nên vào nhà lấy thêm 760.000 đồng, tổng cộng là 1.000.000 đồng đưa cho T vay đánh bạc, C đi ra ngoài giải quyết việc riêng. T cầm 1.000.000 đồng ngồi vào vị trí của C đánh bạc cùng với L, N, Q, L. Tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc lúc này là 6.370.000 đồng. Khi các đối tượng đang đánh bạc, Phùng Văn T gọi điện thoại cho L hỏi "đang ở đâu đấy", L trả lời "đang đánh bài ở nhà anh C", T hỏi "có đủ chân không?", thì L trả lời "anh cứ xuống đi". Khoảng 11 giờ cùng ngày, T đi bộ đến nhà C thấy T, L, N, Q, L đang đánh bạc, T nói với T "để tôi chơi thay", T đứng dậy nói "thua hết 240.000 đồng", khi đó C đã xong việc quay lại ngồi xem các đối tượng chơi bài. T đưa lại cho C 760.000 đồng. T ngồi vào vị trí của T đánh bạc cùng với L, N, Q, L. Khi vào đánh bạc T có 1.750.000 đồng để toàn bộ ra chiếu. Tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc lúc này là 7.360.000 đồng. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Q nghỉ chơi đi ăn cỗ nên H hỏi vay Q 1.000.000 đồng để đánh bạc. Q đồng ý đưa 1.000.000 đồng đang có (do lúc đó Q thắng 100.000 đồng) cho H. H ngồi vào vị trí của Q sử dụng 1.000.000 đồng vay của Q và 370.000 đồng, tổng cộng là 1.370.000 đồng để toàn bộ ra trước mặt đánh bạc với L, T, N, L. Tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc lúc này là 7.730.000 đồng. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Q quay lại. Lúc này, H không chơi nữa, trả cho Q 1.000.000 đồng chỉ còn lại 330.000 đồng (do H thua 40.000 đồng). Q ngồi vào vị trí H sử dụng 1.000.000 đồng đánh bạc cùng L, N, T, L. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi Q, L, T, L đang đánh bạc thì bị Cơ quan công an bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 2.750.000 đồng; thu của Hà Thị L 01 ví giả

da màu tím và 01 ví giả da màu trắng bên trong có 3.750.000 đồng, 01 túi xách, 01 chiếc điện thoại di động Iphone6 đã cũ; thu giữ trong túi ngực trái của Phùng Văn Q 900.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã cũ; thu giữ của Phùng Phú L 01 điện thoại di động Iphone 6, 01 điện thoại di động Nokia đều đã cũ. Ngoài ra, Lê Đình C tự nguyện giao nộp số tiền 760.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia 1280; Nguyễn Văn H tự nguyện giao nộp số tiền 330.000 đồng; Phùng Văn T tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động Samsung J2 phục vụ quá trình điều tra.

Quá trình điều tra xác định, ngoài 4 đối tượng bị bắt quả tang về hành vi đánh bạc tại thời điểm 15 giờ ngày 22/6/2019 là Phùng Văn Q, Hà Thị L, Phùng Văn T và Phùng Phú L còn có 4 đối tượng khác có tham gia đánh bạc nhưng trước khi bắt quả tang đã nghỉ không đánh bạc nữa là Lê Đình C, Nguyễn Văn N, Lê ĐÌnh T và Nguyễn Văn H. Tuy nhiên, hành vi của C, N, T, H đều đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc.

Tại Cáo trạng số 147/CT- VKSNDTPVY ngày 15/11/2019, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V truy tố các bị cáo Lê Đình C, Phùng Văn Q, Hà Thị L, Phùng Văn T, Phùng Phú L, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn H về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của như nội dung Cáo trạng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 (không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo L; các bị cáo Q,  L, T, N áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015) xử phạt:

Bị cáo Phùng Văn Q từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Bị cáo Lê Đình C, Phùng Phú L, Hà Thị L mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Bị cáo Phùng Văn T, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Phạt đối với mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 8.490.000đ.

Tịch thu để bán sung quỹ Nhà nước gồm: 01 điện thoại Iphone 6 thu giữ của Hà Thị L; 01 điện thoại Nokia thu giữ của Phùng Văn Q; 01 điện thoại Nokia thu giữ của Lê Đình C; 01 điện thoại Samsung thu giữ của Phùng Văn T.

Trả lại cho Phùng Phú L 01 điện thoại Iphone 6; 01 điện thoại Nokia.

Tịch thu tiêu hủy 01 ví giả da màu tím; 01 ví màu trắng và 01 túi xách thu giữ của Hà Thị L; 01 chiếc chiếu cói; 01 bộ bài túlơkhơ do không còn giá trị sử dụng.

Các bị cáo không bào chữa và tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau;

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ. Do đó đủ căn cứ để kết luận:

Từ khoảng 09 giờ ngày 22/6/2019, tại nhà Lê Đình C ở phố N, phường H, thành phố V, tỉnh V, các đối tượng Phùng Văn Q, Lê Đình C, Hà Thị L, Phùng Văn T, Phùng Phú L, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn H đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì bị phát hiện bắt quả tang với tổng số tiền đánh bạc là 8.490.000đ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã cấu thành tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Nội dung điều luật quy định:

*"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000đ đến dưới 50.000.000đ..... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án, bất bình.

Do vậy, để đấu tranh ngăn chặn tệ nạn cờ bạc, giữ gìn trật tự công cộng cần phải xử L nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản

1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm T.

Trong vụ án này Hà Thị L là người khởi sướng; Phùng Văn Q rủ rê lôi kéo các đồng phạm thực hiện tội phạm, Lê Đình C dùng nhà ở của mình làm địa điểm, chuẩn bị công cụ, phương tiện và cùng các đối tượng đánh bạc. Phùng Văn Q, Phùng Văn T, Nguyễn Văn N, Phùng Phú L, Nguyễn Văn H là những đồng phạm tham gia tích cực nhưng vì không có sự phân công, bàn bạc nên đây là đồng phạm giản đơn và các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm mà mình đã gây ra. Trước khi phạm tội các bị cáo L, T, N, H, C là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự; còn bị cáo Q và bị cáo L là người có nhân thân xấu. Đối với bị cáo Q đã 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo L năm 2007 bị Tòa án Nhân dân thành phố V, tỉnh V xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Mặc dù đã được xóa án tích nhưng chứng tỏ bị cáo là đối tượng rất coi thường pháp luật, không biết hối cải để hoàn lương.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều "Thành khẩn khai báo" các bị cáo đều ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm T" nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (Đối với bị cáo Q và L không được áp dụng tình tiết ăn năn hối cải, bị cáo L không được áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu).

Ngoài ra các bị cáo Q, L, T, N còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự vì bị cáo L có bố đẻ là Hà Văn Nghi được tặng thưởng Huân chương kháng C hạng Nhất, bị cáo N có bố đẻ là Nguyễn Văn Chức được tặng thưởng Huân chương kháng C hạng Ba; bị cáo Q và bị cáo T là đối tượng tham gia C tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không bị áp dụng.

Như đã phân tích nêu trên, xét thấy: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Việc buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là chưa cần thiết, do đó cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do đó cần phạt mỗi bị cáo số tiền 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ

luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đó đều hợp pháp.

[5] Đối với Lê ĐÌnh T có tham gia đánh bạc nhưng quá trình điều tra bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can và ra lệnh truy nã khi nào bắt được sẽ điều tra, xử L sau là đúng pháp luật.

[6] Về vật chứng: Đối với số tiền 2.570.000 đồng cơ quan công an thu giữ tại chiếu bạc; 3.750.000 đồng thu giữ trong ví của Hà Thị L; 900.000 đồng thu giữ tại túi áo của Phùng Văn Q; 760.000 đồng do Lê Đình C tự nguyện giao nộp và 330.000 đồng do Phùng Văn H tự nguyện giao nộp, tổng cộng là 8.490.000 đồng, quá trình điều tra xác định là là tiền dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số điện thoại đã thu giữ của các đối tượng, bao gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 đã cũ thu giữ của Hà Thị L; 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen, đã cũ thu giữ của Phùng Văn Q; 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280, màu đen, đã cũ thu giữ của Lê Đình C; 01 chiếc điện thoại di động Samsung J2, màu xám bạc, đã cũ thu giữ của Phùng Văn T, quá trình điều tra xác định sử dụng để liên lạc vào việc phạm tội cần tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 01 chiếc điện thoại di động Nokia đều đã cũ thu giữ của Phùng Phú L dùng để liên lạc với bạn bè, người thân không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 chiếc ví giả da màu tím, 01 chiếc ví màu trắng và 01 túi xách, đều đã cũ thu giữ của Hà Thị L; 01 chiếc chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ đều là các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, đã hết giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phùng Văn Q 01 (một) năm tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Đình C 11 (mười một) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách 01 (một) năm 10 (mười) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phùng Phú L 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Hà Thị L 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách 01 năm 04 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phùng Văn Q, Lê Đình C, Phùng Phú L, Hà Thị L, Phùng Văn T, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố V, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

6. Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Đình C, Phùng Văn Q, Hà Thị L, Phùng Văn T, Phùng Phú

L, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

7. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 8.490.000đ ( Tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

- Tịch thu để bán sung quỹ Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động Iphone 6 thu giữ của Hà Thị L; 01 điện thoại Nokia màu đen thu giữ của Phùng Văn Q; 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen thu giữ của Lê Đình C; 01 điện thoại di động Samsung J2 màu xám bạc thu giữ của Phùng Văn T.

- Trả lại cho Phùng Phú L 01 điện thoại di động Iphone6; 01 điện thoại di động Nokia.

- Tịch thu tiêu hủy 01 ví giả da màu tím; 01 ví màu trắng và 01 túi xách thu giữ của Hà Thị L; 01 chiếc chiếu cói; 01 bộ bài túlơkhơ do không còn giá trị sử dụng. (Đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/11/2019)

8. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Phùng Văn Q, Lê Đình C, Hà Thị L, Phùng Văn T, Phùng Phú L, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có Q kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
*-VKSND tỉnh V*
*- VKSND thành phố V;*
*- Công an thành phố V;*
*- Chi cục THADS V;*
*- Sở Tư pháp tỉnh V;*
*- Sở Tư pháp TP Hà Nội;*
*- Thi hành án hình sự;*
*- UBND phường H, thành phố V, tỉnh V.*
*- Những người tham gia tố tụng;*
*- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Lê Nữ Hương Huyền**

| Các Hội thẩm nhân dân | | Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà |
|---|---|---|
| Bùi Thanh Bình | Nguyễn Thị Yên | Vũ Văn Mạnh |

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH V

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**

----------***----------

*V, ngày 27 tháng 11 năm 2012*

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Mạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình và bà Nguyễn Thị Yên

Căn cứ vào điều 199 và điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Vào hồi 11 giờ 00 ngày 27 tháng 11 năm 2012, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thế Vinh và đồng bọn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. V□ T□I DANH:

Thống nhất: Các bị cáo Nguyễn Thế Vinh, Nguyễn Trung Nghĩa, Hoàng Hồng Thái, Phan Quang Thanh, Nguyễn Văn Đang phạm tội: **"Đánh bạc".**

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. VỀ ĐIỀU LUẬT ÁP DỤNG:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248, Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thế Vinh, Nguyễn Trung Nghĩa, Hoàng Hồng Thái, Phan Quang Thanh, Nguyễn Văn Đang.

Áp dụng thêm: Khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đang

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. VỀ MỨC HÌNH PHẠT.

Xử phạt: + **Nguyễn Thế Vinh** 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 06/8/2012 đến ngày 06/10/2012.

**+ Nguyễn Trung Nghĩa** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 06/8/2012 đến ngày 06/10/2012.

+ **Hoàng Hồng Thái** 05(Năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 06/8/2012 đến ngày 06/10/2012.

+ **Phan Quang Thanh** 05(Năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 06/8/2012 đến ngày 06/10/2012.

+ **Nguyễn Văn Đang** 04 (Bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. VỀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC:

Giao bị cáo **Nguyễn Văn Đang** cho Uỷ ban nhân dân phường Khai Quang, thành phố V, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự phạt bổ sung đối với các bị cáo Vinh, Nghĩa mỗi bị cáo 05 (Năm) triệu đồng; các bị cáo Thái, Thanh, Đang mỗi bị cáo 03 (Ba) triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 4.739.000đ (Bốn triệu bảy trăm ba chín nghìn đồng) và 01 điện thoại Q-Mobie của bị cáo Vinh; 01 điện thoại Samsung màu trắng xám của bị cáo Nghĩa, là tiền và tài sản các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy : 01 chiếc chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ các đối tượng sử dụng để đánh bạc.

*(Các vật chứng, đồ vật có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/11/2012 tại Chi cục thi hành án thành phố V)*

- Áp dụng: Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thế Vinh, Nguyễn Trung Nghĩa, Hoàng Hồng Thái, Phan Quang Thanh, Nguyễn Văn Đang mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Thanh Bình | Nguyễn Thị Yên | Vũ Văn Mạnh